

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày

tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”;

Thực hiện Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam;

Căn cứ Đề án số 07-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Đề án Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025;

Thực hiện Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

UBND tỉnh Lào Cai ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn năm 2021 – 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung Chương trình sức khỏe Việt Nam tại Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở để các cấp, các ngành, địa phương quán triệt triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bám sát mục tiêu, nhiệm vụ trong Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch, lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế, xã hội hằng năm nhằm triển khai thực hiện, bảo đảm thắng lợi mục tiêu của Đảng, nhà nước, Chính phủ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục để nâng cao tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Lào Cai;

tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về y tế, bảo đảm đạt các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tầm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

b) Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

c) Mục tiêu 3: Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

3. Chỉ tiêu đến năm 2025 của từng lĩnh vực

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Năm 2025
Mục tiêu 1	
1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý	
1) Giảm tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	<26,7%
2) Không chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	<12%
3) Tăng chiều cao trung bình của thanh niên (18 tuổi)	
- Nam (cm)	167
- Nữ (cm)	157
4) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau, trái cây	<50%
5) Giảm mức tiêu thụ muối/người/ngày (gam)	<8g
2. Tăng cường vận động thể lực cho người dân	
6) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực:	
- Người 18 - 69 tuổi	<25%
- Trẻ em 13 - 17 tuổi	<60%
Mục tiêu 2	
3. Phòng chống tác hại của thuốc lá	
7) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	<15%
8) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân	
- Tại nhà	<50%
- Nơi làm việc	<35%
4. Phòng chống tác hại của rượu, bia	
9) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	<39%
5. Vệ sinh môi trường	

10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch - Nông thôn - Thành thị	>75% >90%
11) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh - Nông thôn - Thành thị	>85% >95%
12) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng (trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh)	>50%
6. An toàn thực phẩm	
13) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2011-2015)	10%
14) Tăng tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	>90%
15) Tăng tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm	>90%
7. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh	
16) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ: - 12 loại vắc xin - 14 loại vắc xin	>95%
17) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh - Trường mầm non - Trường tiểu học	>70% >75%
18) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực	>40%
Mục tiêu 3	
8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm	
19) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	>95%
20) Tăng tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	>50%
21) Tăng tỷ lệ quản lý điều trị tăng huyết áp	>25%
22) Tăng tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	>50%
23) Tăng tỷ lệ quản lý đái tháo đường	>30%
24) Tăng tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	>40%

9. Quản lý sức khỏe người dân	
25) Tỷ lệ người dân được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng	>90%
10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	
26) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%
11. Chăm sóc sức khỏe người lao động	
27) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	>50%
28) Tỷ lệ xã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng Lao động	>40%

III. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Giải pháp về quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách, phối hợp liên ngành

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các cấp, các ngành thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện vào kế hoạch, chương trình công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần thực hiện có hiệu quả các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc phạm vi do ngành, lĩnh vực phụ trách; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

b) Tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành, các địa phương để phối hợp triển khai thực hiện các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc phạm vi do ngành, lĩnh vực phụ trách.

c) Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ xã hội cho người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội khác theo quy định, bảo đảm sự phối hợp và kết nối hiệu quả giữa ngành Lao động - TBXH và y tế.

d) Tăng cường tuyên truyền thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về bảo vệ sức khỏe và phòng, chống bệnh tật. Chỉ đạo thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật Bảo vệ môi trường; Luật An toàn thực phẩm; Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Người cao tuổi; Luật trẻ em; Luật phòng, chống tác hại rượu bia và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát để hạn chế sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm có nguy cơ với sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm dành cho trẻ em.

2. Giải pháp về hoạt động chuyên môn nghiệp vụ

2.1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý

- Tăng cường công tác truyền thông tại cộng đồng hướng dẫn cho cộng đồng đặc biệt là người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người dân ở các vùng đặc biệt khó khăn về chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn giảm muối, ăn đủ rau và trái cây, hạn chế sử dụng thực phẩm không có lợi cho sức khỏe.

- Lồng ghép triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 17/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn 2030, bao gồm: thực hiện chăm sóc và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Giám sát tình trạng dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn:

+ Triển khai Kế hoạch quốc gia Truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn để phòng, chống tăng huyết áp, đột quỵ và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2018 -2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-BYT ngày 28/3/2018 của Bộ Y tế.

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định về dán nhãn đối với thực phẩm chế biến sẵn, trong đó công bố năng lượng, hàm lượng muối, đường, chất béo bão hòa, chất béo thể chuyển hóa (thể trạng), vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm và cảnh báo sức khỏe cho người tiêu dùng. Kê đơn dinh dưỡng và vận động thể lực trong quản lý và điều trị người mắc bệnh không lây nhiễm.

+ Chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng cho người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tư vấn về dinh dưỡng cho người lao động.

+ Áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả, nhân rộng mô hình cải thiện thực hành nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ nhỏ (IYCF), lồng ghép quản lý điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính (IMAM).

- Tăng cường công tác truyền thông về phát triển chăn nuôi, trồng trọt, hướng dẫn nuôi trồng, phát triển ao cá, gia súc, gia cầm; phát triển vườn rau gia đình cho nhân dân.

2.2. Tăng cường vận động thể lực cho người dân

- Lồng ghép triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 17/02/2022 ngày 01/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai thực hiện Đề án tổng

thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2030;

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi xã hội về phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Hỗ trợ người dân tăng cường vận động thể lực theo khuyến cáo:

+ Phát động phong trào 10.000 bước chân mỗi ngày để vận động, khuyến khích, hỗ trợ cho người dân tham gia và duy trì thói quen vận động thể lực bằng hình thức đi bộ.

+ Huy động, cung cấp, tạo điều kiện cho người dân ở cộng đồng có đường đi bộ an toàn và thuận tiện, được tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao; tạo điều kiện, thúc đẩy người dân sử dụng giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới.

+ Tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng dân cư gắn với các hoạt động, sinh hoạt cộng đồng theo nhóm đối tượng, nhóm tuổi; kèm theo các hướng dẫn, hỗ trợ để làm cho người dân hình thành và duy trì thói quen vận động thể lực hằng ngày.

+ Tổ chức các hình thức vận động thể lực, thể dục giữa giờ phù hợp cho người lao động tại nơi làm việc, đặc biệt cho những người làm việc thường xuyên tại văn phòng.

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn về vận động thể lực cho người dân và bệnh nhân, lồng ghép kê đơn vận động thể lực trong quản lý bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng.

- Tăng cường vận động thể chất cho trẻ em, học sinh, sinh viên:

+ Tổ chức tốt các chương trình giáo dục thể chất trong trường học; bảo đảm không gian, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định.

+ Duy trì các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ và bảo đảm số giờ thể dục trong chương trình chính khóa. Tổ chức đa dạng các loại hình vận động thể lực ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ. Bảo đảm mỗi học sinh tối thiểu được vận động thể lực 60 phút trong một ngày.

2.3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh

- Tiêm chủng cho trẻ em: Bảo đảm việc cung ứng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng; nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ tiêm chủng, tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng. Áp dụng công nghệ thông tin để triển khai và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tiêm chủng quốc gia.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh:

+ Triển khai Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2018 – 2025.

+ Có chương trình phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về thể lực và tâm vóc cho các em học sinh.

+ Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý bao gồm: ăn tối thiểu 3 bữa ăn/ngày; ăn đủ rau và trái cây; hạn chế ăn đồ ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga; giảm muối trong khẩu phần ăn.

+ Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục có ăn bán trú, nội trú hoặc có cung cấp dịch vụ ăn uống.

+ Quản lý hoạt động của căng - tin, dịch vụ trong trường học nhằm hạn chế tiếp cận của học sinh với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; thực thi quy định không bán sản phẩm, thực phẩm không có lợi cho sức khỏe ở khu vực công trường.

+ Tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh và phụ huynh học sinh; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phát triển và kiểm tra sức khỏe của học sinh để phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật; duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

- Chăm sóc mắt cho trẻ em:

+ Tư vấn, hướng dẫn trẻ em các biện pháp phòng chống, ngăn ngừa các bệnh, tật về mắt của trẻ em. Tổ chức khám, kê đơn kính, theo dõi và hướng dẫn chăm sóc mắt cho những trẻ em, học sinh giảm thị lực.

+ Cung cấp các dụng cụ, công cụ đơn giản cho các trạm y tế xã và các trường học kết hợp với hướng dẫn, hỗ trợ trẻ em, học sinh thường xuyên tự đánh giá phát hiện ban đầu tình trạng giảm thị lực.

+ Tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp cho học sinh để tăng thời gian trẻ em được vận động thể lực ngoài trời, tăng thời gian mắt được rèn luyện thị lực bằng ánh sáng tự nhiên.

- Triển khai Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025.

2.4. Phòng chống tác hại của thuốc lá

- Tăng cường tuyên truyền về tác hại của thuốc lá; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá tại các cơ quan, đơn vị và cộng đồng.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả. Thực hiện triệt để và xử phạt nghiêm hành vi vi phạm quy định

không hút thuốc nơi công cộng, trường học, bệnh viện, gia đình, cơ quan, xí nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn và điều trị cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở y tế và cộng đồng.

2.5. Phòng chống tác hại của sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn khác

- Thực hiện nghiêm Luật số 44/2019/QH14 ngày 14/6/2019 Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Tăng cường các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh rượu, bia; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn, cai nghiện rượu, bia tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng.

2.6. Vệ sinh môi trường

- Xây dựng đề án giảm tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, nước và đất tới sức khỏe con người.

- Triển khai công tác truyền thông về nguy cơ, nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường. Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người dân.

- Tăng cường triển khai kế hoạch an toàn nước, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt giữ gìn vệ sinh nguồn nước và dụng cụ chứa nước tại các cộng đồng dân cư; thực hiện tốt việc xử lý nước và vệ sinh môi trường trong mùa lũ lụt.

- Quản lý tốt rác thải sinh hoạt; vận động người dân thu gom, loại bỏ dụng cụ phế thải, hạn chế tối đa nơi sinh sản của muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết.

- Truyền thông vận động cộng đồng xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh, chôn đút đi tiêu bừa bãi; thực hành ủ phân hợp vệ sinh, không sử dụng phân tươi để bón ruộng và xóa bỏ cầu tiêu ao cá.

- Có các giải pháp chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vùng miền, tập quán sinh hoạt của người dân để tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Vận động người dân làm chuồng trại xa nhà, không thả rông gia súc; thường xuyên tổ chức những đợt tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, cơ quan, trường học, nơi công cộng và nhà dân để tạo thói quen và nề nếp vệ sinh trong nhân dân.

- Rửa tay với xà phòng:

+ Phối hợp liên ngành triển khai hiệu quả Chương trình cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về lợi ích của rửa tay với xà phòng, quy trình rửa tay đúng cách và các thời điểm cần rửa tay với xà phòng.

+ Tổ chức chiến dịch hưởng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hằng năm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thống rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình.

+ Trang bị các thiết bị, điều kiện hỗ trợ cho việc rửa tay với xà phòng tại trường học, bệnh viện, nơi làm việc và các nơi công cộng khác.

2.7. An toàn thực phẩm (ATTP)

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về ATTP; hướng dẫn người dân lựa chọn, chế biến, sử dụng thực phẩm an toàn.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về ATTP; xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật về ATTP. Phát huy hiệu quả vai trò phối hợp liên ngành về ATTP giữa các sở, ngành và địa phương; tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm về ATTP; quản lý hoạt động quảng cáo các sản phẩm thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thực phẩm tiếp cận với trẻ em.

- Đẩy mạnh nhân rộng trong tỉnh các mô hình tiên tiến về quản lý, sản xuất thực phẩm an toàn. Hoàn thiện và áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt trong sản xuất rau, quả, chè và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng. Phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm, tư vấn và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm tiên tiến (GMP, GHP, HACCP, ISO 22000).

- Đẩy mạnh triển khai nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm làm cơ sở cho công tác quản lý an toàn thực phẩm dựa vào bằng chứng.

- Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh ATTP của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, cảng, trường học, khu công nghiệp và chế xuất.

2.8. Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm, nâng cao sức khỏe nhân dân

Tiếp tục triển thực hiện có hiệu quả các nội dung về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới theo Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; đồng thời tập trung đẩy mạnh thực hiện một số nội dung trọng tâm trong Chương trình sức khỏe Việt Nam:

(1) Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm nhằm tăng tỷ lệ phát hiện và quản lý điều trị đối với các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, một số loại ung thư:

- Phát hiện sớm và quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: Triển khai khám sàng lọc, quản lý và theo dõi, điều trị bệnh tăng huyết áp và đái tháo đường; khám phát hiện sớm một số bệnh ung thư phổ biến; tư vấn hướng dẫn người mắc bệnh mạn tính tuân thủ việc dùng thuốc và tự chăm sóc tại nhà.

- Cung cấp các dịch vụ chẩn đoán, điều trị, quản lý tăng huyết áp, đái tháo đường, nguy cơ tim mạch và chăm sóc hỗ trợ người mắc bệnh ung thư, một số bệnh không lây nhiễm khác theo quy định tại các trạm y tế cấp xã.

(2) Chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng:

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch, đề án triển khai mô hình quản lý sức khỏe toàn dân theo nguyên lý y học gia đình, bảo đảm trạm y tế xã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe.

- Lập Hồ sơ quản lý sức khỏe cho cá nhân để cập nhật, theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho từng đối tượng theo các nhóm tuổi: trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng ưu tiên; phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi phù hợp. Theo dõi, quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính tại trạm y tế xã, tăng cường công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Phát triển mạng lưới bác sỹ gia đình để cung cấp các dịch vụ quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi.

- Thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, chăm sóc sức khỏe: Thực hiện kế hoạch, đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, quản lý hồ sơ sức khỏe người dân, người khuyết tật; thực hiện cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh. Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho người dân theo nguyên lý y học gia đình.

(3) Chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Phối hợp các ngành, các cấp quan tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người lao động. Kiểm tra, kiểm soát thực hiện vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp an toàn vệ sinh lao động, phòng chống các yếu tố nguy cơ, độc hại, phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phổ biến tại các cơ sở lao động (bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp ...)

- Phối hợp, lồng ghép khám phát hiện bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe người lao động tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Triển khai quản lý sức khỏe người lao

động, bảo đảm người lao động được chăm sóc liên tục, lâu dài bởi bộ phận y tế của các cơ sở lao động hoặc trạm y tế xã.

- Xây dựng và triển khai mô hình gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (các khu vực nông nghiệp, làng nghề, lâm nghiệp và ngư nghiệp...) tập trung vào các nội dung: quản lý sức khỏe người lao động thông qua quản lý hồ sơ sức khỏe chung của người dân trên địa bàn xã; rà soát môi trường làm việc, tư vấn cải thiện điều kiện lao động; thông tin về các yếu tố nguy cơ, yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp; sơ cứu, cấp cứu các trường hợp tai nạn lao động tại trạm y tế...

3. Giải pháp về truyền thông, vận động xã hội

a) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông; sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông từ tỉnh tới cơ sở để tuyên truyền, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các khuyến cáo về nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

b) Xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về sức khỏe phù hợp với thực tế của tỉnh và các nhóm đối tượng:

- Các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, hướng dẫn thực hành chế độ dinh dưỡng hợp lý ở các gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; truyền thông giảm muối trong khẩu phần ăn của người dân khuyến khích ăn đủ rau và trái cây, giảm tiêu thụ nước ngọt có đường...

- Truyền thông vận động phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao, tổ chức ngày toàn dân đi bộ. Xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình rèn luyện thể dục thể thao ở nơi làm việc và ở cộng đồng dân cư.

- Truyền thông để phổ biến và thúc đẩy việc tuân thủ Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, đặc biệt là quy định về môi trường không khói thuốc.

- Truyền thông về phòng chống tác hại của rượu, bia trên thông tin đại chúng và trong các cơ sở giáo dục.

- Truyền thông, vận động người dân đưa trẻ em đi tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động, nhận biết nguy cơ và phòng chống hiệu quả bệnh nghề nghiệp đối với ngành y tế và các ngành nghề lao động đặc thù. Chỉ đạo thực hiện Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ hằng năm.

- Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về ATTP; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông; nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về ATTP. Phối hợp các ban ngành trong tuyên truyền, vận động nhân dân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn.

- Chú trọng truyền thông về Chương trình Sức khỏe Việt Nam thông qua các phương thức truyền thông phổ biến như truyền thông trên phương tiện thông

tin đại chúng, internet, thông qua mạng lưới thông tin truyền thông ở cơ sở, gắn với các chương trình giáo dục, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc vận động, các phong trào quần chúng và các hoạt động khác ở cộng đồng.

c) Lồng ghép chủ đề truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào các chiến dịch truyền thông, các ngày, sự kiện sức khỏe trong năm như: Ngày Ung thư thế giới, Ngày Sức khỏe thế giới, Ngày Hen toàn cầu, Ngày Phòng chống tăng huyết áp thế giới, Ngày/Tuần lễ Không thuốc lá, Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính toàn cầu, Ngày Tim mạch thế giới, Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới, Ngày Đột quy thế giới, Ngày Phòng chống đái tháo đường thế giới, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Nhà vệ sinh thế giới, Ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước thế giới, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày Thể thao Việt Nam, Tuần lễ Tiêm chủng thế giới, Tháng Hành động vì an toàn thực phẩm, Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động và các sự kiện liên quan khác.

4. Giải pháp về nguồn lực

a) Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch được lồng ghép từ nguồn lực các chương trình, dự án và từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

b) Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ nguồn lực cho xây dựng các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe.

c) Việc thực hiện các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam cần bảo đảm nguyên tắc lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, lồng ghép trên cơ sở tăng cường, điều chỉnh, mở rộng các chương trình, dự án, đề án của các sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan gồm:

- Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới;
- Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, giai đoạn 2020-2025, đặc biệt là Đề án số 07-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025”.

- Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

- Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 15/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 130-KH/TU của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “về công tác dân số trong tình hình mới”.

- Các chương trình: Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động; Chương trình Sữa học đường; Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030.

- Các Đề án: Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030; Đề án Y tế lao động xã hội nâng cao chất lượng chăm sóc người có công với cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, người tâm thần 2018 - 2030; Đề án phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2030.

- Các chiến lược: Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm 2015 - 2025; Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến 2020 tầm nhìn 2030.

- Các phong trào: Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Phong trào Làng Văn hóa sức khỏe; Phong trào vệ sinh yêu nước; Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch có liên quan khác.

Kinh phí cho các chương trình, dự án, đề án cần phải được ưu tiên phân bổ nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng từ các nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn viện trợ ODA, vốn viện trợ phi chính phủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tạo nguồn vốn để thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

6. Giải pháp về theo dõi, giám sát và đánh giá

a) Sử dụng khung giám sát và bộ công cụ đã được thống nhất trên toàn quốc để theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu, mục tiêu và hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

b) Điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Lồng ghép thu thập số liệu trong điều tra quốc gia yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm, điều tra sức khỏe trường học, điều tra dinh dưỡng và điều tra của các ngành, các lĩnh vực.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất thêm các lĩnh vực, các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai có hiệu quả Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình thuộc ngành y tế; phối hợp với các sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình; chủ trì, phối hợp đề cung cấp các thông tin về Chương trình Sức khỏe Việt Nam cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở.

- Định kỳ tổng hợp, sơ kết, tổng kết, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tuyên truyền, giáo dục, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh:

+ Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý bao gồm: ăn tối thiểu 3 bữa ăn/ngày; ăn đủ rau và trái cây; hạn chế ăn đồ ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga; giảm muối trong khẩu phần ăn.

+ Thực hiện tốt Chương trình Sữa học đường.

+ Xây dựng chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về thể lực và tầm vóc.

+ Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục có ăn bán trú, nội trú hoặc có cung cấp dịch vụ ăn uống.

+ Quản lý hoạt động của căng - tin, dịch vụ trong trường học nhằm hạn chế tiếp cận của học sinh với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; thực thi quy định không bán sản phẩm, thực phẩm không có lợi cho sức khỏe ở khu vực công trường.

+ Phối hợp ngành y tế thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, sức khỏe của học sinh; duy trì tẩy giun định kỳ cho học sinh mẫu giáo và tiểu học.

- Chăm sóc mắt cho trẻ em: Phối hợp các cơ sở y tế và các trường học thường xuyên đánh giá phát hiện ban đầu tình trạng giảm thị lực. Tổ chức khám, kê đơn kính, theo dõi và hướng dẫn chăm sóc mắt cho những trẻ em, học sinh giảm thị lực. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa phù hợp cho học sinh để tăng thời gian trẻ em được vận động thể lực ngoài trời, tăng thời gian mắt được rèn luyện thị lực bằng ánh sáng tự nhiên.

- Chỉ đạo tăng cường vận động thể chất cho trẻ em, học sinh, sinh viên trong trường học: Tổ chức tốt các chương trình giáo dục thể chất trong trường học; bảo đảm không gian, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên; duy trì các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ và bảo đảm số giờ thể dục trong chương trình chính khóa; tổ chức đa dạng các loại hình vận động thể lực ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ, bảo đảm mỗi học sinh tối thiểu được vận động thể lực 60 phút trong một ngày.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và ban hành các chính sách, quy định pháp luật về phát triển thể dục, thể thao quần chúng.

- Chỉ đạo, triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao và các hoạt động khác của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai chương trình 10.000 bước chân mỗi ngày và triển khai các chương trình, phong trào rèn luyện thể dục thể thao khác trong cộng đồng.

- Phối hợp chỉ đạo xây dựng mô hình thành phố lành mạnh, khu du lịch không khói thuốc, làng, bản, khu dân cư văn hóa. Lồng ghép các chỉ tiêu và nội dung liên quan của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030, Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 và các chương trình, đề án khác.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu đề xuất các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; chỉ đạo triển khai có hiệu quả việc nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm suy dinh dưỡng thấp còi, bảo đảm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm, loại trừ nguy cơ mất an toàn thực phẩm trong khâu sản xuất, vận chuyển và kinh doanh. Áp dụng các quy trình sản xuất tốt trong chăn nuôi, trồng trọt; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm.

- Triển khai các mô hình tiên tiến về quản lý, sản xuất thực phẩm an toàn. Hoàn thiện và áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt trong sản xuất rau,

quả, chè và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng.

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm thực phẩm sạch; kiểm soát dư lượng phân bón, các chất tăng trưởng, chất kháng sinh, chất phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm nông nghiệp.

- Phối hợp ngành y tế kiểm tra và tăng cường triển khai kế hoạch an toàn nước, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; kiểm tra, giám sát giữ gìn vệ sinh nguồn nước và dụng cụ chứa nước tại các cộng đồng dân cư.

5. Sở Giao thông vận tải- Xây dựng

- Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm đảm bảo cơ sở hạ tầng giao thông, đường đi bộ an toàn để tăng cường vận động thể lực, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao, rèn luyện nâng cao sức khỏe. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác phát triển đô thị nhằm bảo đảm không gian sống và cơ sở vật chất cho tăng cường vận động thể lực, nâng cao chất lượng sống cho cư dân đô thị; bảo đảm các tiện ích phục vụ người khuyết tật và người cao tuổi.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát theo quy định đối với các phương tiện giao thông cơ giới thải ra môi trường các chất có nguy cơ đối với sức khỏe; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển giao thông công cộng và hạ tầng cơ sở cho giao thông phi cơ giới; bảo đảm các tiện ích phục vụ cho người khuyết tật, người cao tuổi khi tham gia giao thông.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường các hoạt động ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai; đẩy mạnh thực thi Luật Bảo vệ môi trường; bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm giảm thiểu tối đa các yếu tố nguy hại đến sức khỏe nhân dân theo thẩm quyền nhằm thực hiện mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo cơ quan thông tấn, báo chí của địa phương xây dựng kế hoạch và tuyên truyền sâu rộng Chương trình sức khỏe Việt Nam theo Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này.

- Tham mưu, chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền, phổ biến thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, giáo dục nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi, quản lý và các nguồn vốn khác (nếu có) cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển để triển khai thực hiện thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

Chủ trì đề xuất các giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế, bố trí vốn từ các dự án hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng từ các nguồn vốn vay ODA, vốn viện trợ của các tổ chức, chính phủ nước ngoài, tạo nguồn vốn quan trọng để đầu tư phát triển hệ thống y tế, quan tâm lồng ghép các dự án hợp tác quốc tế với hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam nhằm thực hiện được các mục tiêu sức khỏe trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Tài chính

Thẩm định dự toán của các cơ quan, đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện chương trình đối với các nguồn vốn do Sở Tài chính chủ trì theo dõi, quản lý.

10. Sở Công Thương

- Tăng cường các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh, buôn bán thuốc lá, rượu, bia; tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn quy định về dán nhãn minh bạch sản phẩm, in thông tin cảnh báo sức khỏe trên các sản phẩm thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ với sức khỏe.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đảm bảo môi trường làm việc, nâng cao sức khỏe cho người lao động, giảm thiểu các yếu tố, nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm, điều trị, phục hồi chức năng và quản lý sức khỏe cho người lao động mắc bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp và các bệnh tật khác.

- Phối hợp với Sở Y tế nâng cao chất lượng chăm sóc y tế, chỉnh hình và phục hồi chức năng đối với người cao tuổi và một số đối tượng cần chăm sóc đặc thù khác.

12. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp để phổ biến thông tin, tri thức về Chương trình Sức khỏe Việt Nam và nâng cao sức khỏe thông qua Cổng Thông tin “Hệ tri thức Việt số hóa” và các chương trình liên quan.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

- Chỉ đạo, triển khai và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Chỉ đạo các hoạt động lồng ghép các chỉ tiêu xây dựng Chương trình trong cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh.

14. Các sở, ngành cơ quan khác thuộc UBND tỉnh

- Căn cứ theo chỉ tiêu, mục tiêu và các nội dung của Chương trình Sức khỏe Việt Nam, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo chức năng, lĩnh vực phụ trách.

- Hằng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

15. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ theo các chỉ tiêu, mục tiêu, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với yêu cầu của địa phương, đưa các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trực tiếp chỉ đạo các cấp, các ngành tại địa phương triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của Chương trình trên địa bàn, bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại địa phương.

- Hằng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung